

CÔNG TY CỔ PHẦN BPG INVEST
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BPG INVEST

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BPG INVEST JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110624138

3. Ngày thành lập: 06/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 121 Đường Lâm Hạ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0862792279

Fax:

Email: bpginvest@nhuabinhthuan.com.vn Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá và không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền phân phối)	4610
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu	4659
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.	4669
6.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
7.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
8.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220(Chính)
9.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

10.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đầu: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như : Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo.	2599
12.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
13.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
14.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
15.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	4791
16.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
17.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
18.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
19.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
20.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
21.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
23.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển nội địa	5011
24.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển nội địa	5012
25.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
26.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
30.	Bốc xếp hàng hóa (trừ Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Môi giới thuê tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.	5229
33.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
35.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê pallet (tấm kê hàng)	7730
36.	Đại lý du lịch (không bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)	7911
37.	Điều hành tua du lịch (không bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)	7912
38.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (không bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)	7990
39.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
40.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
41.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
42.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
43.	Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm)	3830

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VĂN QUANG	Số 30 Nguyệt Quế 12 Vinhomes Riverside 2, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.250.000	32.500.000.000	65,000	034082005180	
			Tổng số	3.250.000	32.500.000.000	65,000		
2	LÊ VĂN DŨNG	Phòng 412, Tòa nhà CT3B (M6), khu nhà ở Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.000	15.000.000.000	30,000	066093000056	
			Tổng số	1.500.000	15.000.000.000	30,000		
3	HOÀNG THỊ HẰNG	Xóm 3, Thôn Yên Vĩnh, Xã Dạ Trạch, Huyện Khoái Châu , Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	5,000	033190007904	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 25/10/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 066093000056

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Phòng 412, Tòa nhà CT3B (M6), khu nhà ở Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 412, Tòa nhà CT3B (M6), khu nhà ở Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội